

Bản án số: 39/2023/HS-ST  
Ngày 10-4-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: **27/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023** đối với bị cáo:

Phan Viết L, sinh ngày 02 tháng 9 năm **1994 tại Hà Tĩnh**. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Bùi Thị Từ N, tổ dân phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Viết T và bà Lê Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2022; có mặt.

- **Bị hại:** Chị Ngô Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường M, thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019, chị Ngô Thị S, sinh năm 1984, trú tại Hai Bà T, phường A, Quận L, thành phố Hải Phòng được chị Ngô Thị N (chị họ Ngô Thị S) giao chìa

khóa và nhờ trông coi hộ thôn C, xã A, thành phố Hải Phòng. Trong khoảng thời gian này, chị S và Phan Viết L có quan hệ T cảm với nhau nên L thường được chị S hoặc anh Ngô Văn B, sinh năm 1980, ở chung cư T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (là em trai chị N) giao chìa khóa để đến dọn dẹp nhà hộ.

Khoảng trưa ngày 06/6/2022, khi đang ăn cơm tại nhà chị N, L nảy sinh ý định lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 81B3-268.90 và cạy kết sắt trong nhà chị N xem có đồ vật gì giá trị sẽ lấy để bán lấy tiền ăn tiêu. Đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, L điều khiển xe máy của L mang theo 01 búa đinh, ra khu vực ngã tư Cột Đèn, Quận Lê Chân bán xe được 6.000.000 đồng, sau đó **đi xe ôm đến** nhà chị N. Đến nơi, L thấy cửa cuốn nhà chị N đóng, L ấn chìa khóa để mở cửa cuốn nhưng không được. **Cho rằng** chìa khóa bị hỏng, nên L đã trèo lên mái tầng 1 rồi đi vào nhà thông qua cửa trước tầng 2 xuống nhà thì phát hiện trong nhà mất điện. L trèo ra ngoài theo đường cũ, đi bộ đến ngã ba đầu đường mượn của chị Lê Thị T bán rau gần đó được 01 chiếc gậy tre. L dùng gậy tre chọc, mở được át tô mát nhà chị N rồi ấn mở khóa cửa cuốn đi vào phòng khách, thấy 01 kết sắt để cạnh bể cá, bên trên có đặt 01 âm ly. L bê âm ly xuống đất, kéo kết sắt vào trong nhà vệ sinh ở gầm cầu thang tầng 1, rồi dùng búa đập 01 nhát vào kết sắt. L tiếp tục vào bếp lấy 01 kéo, 01 dao, sau đó dùng búa, dao, kéo phá kết sắt. Do trong kết sắt không có đồ vật giá trị và tiền, chỉ có giấy tờ nên L đi tiếp lên tầng 2, thấy trong phòng ngủ có 01 con lợn **nhựa**, nên đã dùng kéo cắt con lợn trên và lấy được số tiền 3.280.000 đồng. Sau đó, L xuống tầng 1, cho giấy tờ trong kết sắt vào túi nilon rồi treo vào võng xe máy Vision biển kiểm soát 81B3-268.90 đang dựng ở gian ngoài phòng khách, bấm cửa cuốn xuống rồi điều khiển xe ra khu vực đường máng nước bỏ trốn lên Hà Nội. Trên đường bỏ trốn L đã tiêu 50.000 đồng trong số tiền 3.280.000 đồng lấy từ con lợn nhựa của chị N.

Ngày 07/6/2022, anh Ngô Văn B làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an. Ngày 08/6/2022, L đến Công an xã A đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại nhà chị Ngô Thị N 01 kết sắt KOREA SAFE, để có dấu vết đập phá, thùng; 01 kéo dài 21cm, 2 lưỡi; 01 búa dài 31,6cm; 01 dao thái, lưỡi bằng thép, cán dao bằng gỗ màu nâu; 01 lợn nhựa màu vàng bị rách. Thu giữ của Phan Viết L: 01 ví da; số tiền 4.935.000 đồng; 01 kit sim Viettel; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Viết L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu vàng; 01 chùm chìa khoá có 01 chìa dạng chìa khoá cửa cuốn, 01 chìa khoá màu bạc; 01 quần dài bằng vải, màu ghi xám; 01 áo dài tay bằng vải, màu ghi xám, 01 ba lô màu đen; nhiều giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Anh Ngô Viết B giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, màu sơn: Nâu, biển kiểm soát 81B3-268.90 và 01 chìa khoá ghi nhãn hiệu HONDA. Chị Lê Thị T giao nộp: 01 gậy tre màu nâu dài 204cm, đường kính 2,3cm.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/KL-HĐĐG ngày 30/8/2022 kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81B3-268.90 trị giá 25.000.000 đồng; Kết sắt nhãn hiệu Korea Safe, chất lượng còn lại trước khi bị đập phá là

60%, chất lượng còn lại sau khi bị đập phá là hư hỏng hoàn toàn, chi phí khắc phục là: 990.000đồng; con lợn nhựa màu vàng đã qua sử dụng, chất lượng còn lại trước khi bị đập phá là 50%, chất lượng còn lại sau khi bị đập phá là hư hỏng hoàn toàn, chi phí khắc phục là: 15.000đồng; con dao thái không bị tổn thất.

Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Phan Viết L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Viết L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Bị cáo nhận thức hình vi của mình là trái pháp luật, rất ăn năn hối hận nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Số tiền 4.935.000 đồng mà Công an thu giữ có 3.230.000 đồng là của chị N, còn lại 1.705.000 đồng là tiền bán xe của bị cáo. Bị cáo chưa bồi thường cho chị N số tiền 3.280.000đồng nên bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị N 3.280.000đồng từ số tiền bị thu giữ. Bị cáo đề nghị nhận lại kit sim Viettel, thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6; đối với ví da, bộ quần áo, ba lô giá trị nhỏ bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Viết L từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho chị N 3.280.000đồng và trả lại cho bị cáo 1.705.000 đồng trong số tiền 4.935.000 đồng; trả lại cho bị cáo 01 kit sim Viettel, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Viết L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6; trả lại cho chị Ngô Thị N 01 chùm chìa khóa có 01 chìa dạng chìa khóa cửa cuốn và 01 chìa khóa màu bạc; tịch thu tiêu hủy 01 quần dài bằng vải, 01 áo dài tay bằng vải, 01 ba lô màu đen, 01 kéo, 01 búa, 01 dao thái, 01 lợn nhựa màu vàng và 01 gậy tre màu nâu. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ, với Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/KL-HĐĐG ngày 30/8/2022 và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/6/2022, tại nhà của chị Ngô Thị N ở số 186, đường 208, thôn C, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Phan Viết L đã lén lút chiếm đoạt của chị Ngô Thị N số tiền 3.280.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision biển kiểm soát 81B3-268.90 trị giá 25.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo Phan Viết L chiếm đoạt của bị hại là 28.280.000 đồng. Hành vi lén lút L dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản trị giá 28.280.000 đồng nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật B vệ nên cần xét xử nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về T tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố đẻ bị cáo là thương binh hạng 4/4 nên bị cáo được hưởng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Bị cáo không phải chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có nhiều T tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, phạm tội do nhất thời nên xem xét cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do vậy, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo với mức hình phạt khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision biển kiểm soát 81B3-268.90 là của anh Ngô Văn L (cháu chị N) cho chị N mượn sử dụng đã trả lại cho anh L, chị N và anh L không có yêu cầu gì liên quan đến xe mô tô này và số tài sản bị hư hỏng là lợn nhựa, dao và két sắt nên không xem xét, giải quyết. Công an thu giữ 4.935.000 đồng của bị cáo trong đó có 3.230.000 đồng là tiền của chị N, nay chị N yêu cầu nhận lại số tiền 3.280.000 đồng trong số tiền 4.935.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Số tiền 4.935.000 đồng thu giữ của bị cáo trong đó có số tiền 3.230.000 đồng của chị N mà bị cáo đã chiếm đoạt nên trả lại cho chị N

3.280.000 đồng như nhận định ở mục [6], còn lại là 1.705.000 đồng cùng 01 kit sim Viettel, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Phan Viết L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo. Đối với 01 ví da, 01 quần dài bằng vải, 01 áo dài tay bằng vải và 01 ba lô màu đen là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại, giá trị nhỏ nên tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho chị Ngô Thị N 01 chùm chìa khoá có 01 chìa dạng chìa khoá cửa cuốn và 01 chìa khoá màu bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 kéo, 01 dao, 01 gậy tre do chị N và chị T không yêu cầu nhận lại.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

[9] Các vấn đề khác: Cơ quan công an đã trả lại chị N 01 két sắt, các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với hành vi làm hư hỏng két sắt, lợn nhựa, dao của chị N với trị giá thiệt hại về những tài sản này là 1.005.000 đồng, không cấu thành tội Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với bị cáo về hành vi này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phan Viết L 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu tháng) tính từ ngày tuyên án. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phan Viết L cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

- Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

- Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám

sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

- Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

- Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn tại Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/2023/HSST-QĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Phan Viết L.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại chị Ngô Thị N số tiền 3.280.000 đồng và trả lại bị cáo Phan Viết L số tiền 1.705.000 đồng trong số tiền 4.935.000 đồng (theo Ủy nhiệm chi số 24 ngày 02/3/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện A Dương). Trả lại chị Ngô Thị N 01 chùm chìa khóa có 01 chìa khóa dạng chìa khóa của cuốn, 01 chìa khóa màu bạc; trả lại bị cáo Phan Viết L 01 kit sim Viettel, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 6; tịch thu tiêu hủy 01 kéo, 01 búa, 01 dao, 01 lợn nhựa, 01 gậy tre, 01 quần dài bằng vải, 01 áo dài tay bằng vải và 01 ba lô (chi tiết vật chứng tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Viết L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- UBND phường Đoàn Xá 1;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng
- Phòng PV 06, PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Liên**